

*Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
V/v: ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Thái Cao Bình
- Ông Trần Ngô Quốc Cường

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Lam S, xã Cam Thành B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Nghĩa B, thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Bà H và ông A tự nguyện chung sống với nhau năm 2011 và đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 03/4/2018. Trong quá trình chung sống, bà H và ông A không hòa hợp tính cách, không cùng quan điểm trong cuộc sống gia đình nên thường xảy ra mâu thuẫn, kình cãi. Ông A không quan tâm đến vợ, hay chửi bới, xúc phạm bà H. Đến năm 2019, ông A ném đồ đạc và đuổi bà H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không còn liên lạc với nhau. Nay bà H không còn tình cảm với ông A nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H xác định vợ chồng không có con chung.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn A không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh ngày 27/6/2020 tại Công an thị trấn Cam Đ, huyện C thì ông Nguyễn Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Nghĩa B, thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh KhA Hòa và hiện đang sinh sống, có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 14/9/2020 và ngày 29/9/2020; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà H và ông A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đ, huyện C, tỉnh KhA Hòa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 03/4/2018; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, từ năm 2019 bà H và ông A sống ly thân. Bà H xác định không còn tình cảm với ông A nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà H được ly hôn với ông A.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông A vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

2. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn A được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí: bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008221 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh KhA Hòa;
- VKSND tỉnh KhA Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn Cam Đ;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh